

HIỆP ĐỊNH

GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC RUMANI VỀ TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN VÀ NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP VÀ VÀO TÀI SẢN

Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Rumani,

Mong muốn thúc đẩy và củng cố các quan hệ kinh tế thông qua việc ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn thuế lậu đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản,

Đã thỏa thuận dưới đây:

ĐIỀU 1. PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2. CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hay chính quyền địa phương hay các đơn vị lãnh thổ - hành chính của Nước đó, đánh vào thu nhập và vào tài sản bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả loại thuế thu trên tổng thu nhập, tổng tài sản hoặc những phần của thu nhập hay của tài sản, bao gồm cả các khoản thuế đối với lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do xí nghiệp chi trả cũng như các loại thuế đánh trên phần giá trị tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập và vào tài sản.

3. Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. tại Việt Nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân; (ii) thuế lợi tức; và (iii) thuế chuyển nhượng lợi nhuận ra nước ngoài;

(dưới đây được gọi là “thuế Việt Nam”);

b. tại Rumani:

(i) thuế đánh vào thu nhập của các cá nhân; (ii) thuế đánh vào lợi tức; (iii) thuế đánh vào tiền lương và các khoản tiền công tương tự khác; (iv) thuế đánh vào thu nhập nông nghiệp; và (v) thuế đánh vào tiền lãi cổ phần;

(dưới đây được gọi là “thuế Rumani”).

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau những thay đổi quan trọng trong các luật thuế của từng Nước.

ĐIỀU 3. CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a. từ “Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ này có nghĩa là toàn bộ lãnh thổ quốc gia Việt Nam, kể cả lãnh hải Việt Nam và mọi vùng ở ngoài và gắn liền với lãnh hải Việt Nam mà theo luật pháp Việt Nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt Nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

b. từ “Rumani” có nghĩa là nước Rumani và khi dùng theo nghĩa địa lý từ đó chỉ định lãnh thổ Rumani gồm cả lãnh hải Rumani cũng như vùng đặc quyền kinh tế mà tại đó Rumani thực hiện chủ quyền, các quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với nội luật của Rumani và luật pháp quốc tế liên quan đến việc thăm dò và khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên, sinh học và khoáng sản tồn tại trong các vùng biển, đáy biển và lòng đất dưới đáy biển của các vùng biển đó;

c. thuật ngữ “Nước ký kết” và “Nước ký kết kia” có nghĩa là Việt Nam hay Rumani tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

d. thuật ngữ “đối tượng” bao gồm cá nhân, công ty và bất kỳ tổ chức nhiều đối tượng nào khác được thành lập hợp pháp tại từng Nước ký kết;

e. thuật ngữ “công ty” để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

f. thuật ngữ “xí nghiệp của một Nước ký kết” và “xí nghiệp của một Nước ký kết kia” theo thứ tự có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g. thuật ngữ “các đối tượng mang quốc tịch” có nghĩa là:

(i) trong trường hợp đối với Việt Nam là tất cả cá nhân mang quốc tịch của Việt Nam, và tất cả các pháp nhân, tổ chức hùn vốn và hiệp hội có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại Việt Nam; (ii) trong trường hợp đối với Rumani là tất cả các cá nhân mang quốc tịch Rumani và tất cả các pháp nhân, các tổ chức nhiều đối tượng và tất cả các thực thể khác có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực Rumani;

h. thuật ngữ “vận tải quốc tế” có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một xí nghiệp của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;

i. thuật ngữ “nhà chức trách có thẩm quyền” theo thứ tự trong trường hợp đối với Việt Nam và Rumani có nghĩa là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và

j. thuật ngữ “thuế” có nghĩa là thuế Việt Nam hay thuế Rumani tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi.

2. Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này, mọi thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích.

ĐIỀU 4. ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ “đối tượng cư trú của một Nước ký kết” có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, trụ sở đăng ký hoặc bất kỳ tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự. Nhưng thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào chỉ phải chịu thuế tại Nước đó đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó hay đối với tài sản nằm tại Nước đó.

2. Trường hợp theo những quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b. nếu như không thể xác định được Nước nơi cá nhân đó có trung tâm các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó thường sống;

c. nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước hay không sống thường xuyên ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d. nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hay không mang quốc tịch của Nước nào, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3. Trường hợp do những quy định tại khoản 1 khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó, đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước nơi đóng trụ sở điều hành thực tế của đối tượng đó.

ĐIỀU 5. CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ “cơ sở thường trú” có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ “cơ sở thường trú” chủ yếu bao gồm:

a. trụ sở điều hành;

b. chi nhánh;

c. văn phòng;

d. nhà máy;

e. xưởng;

f. nông trường hay bất kỳ địa điểm trồng trọt nào;

g. mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác;

h. kho hàng hóa dùng để giao hàng;

i. kết cấu lắp đặt hay thiết bị dùng để thăm dò tài nguyên thiên nhiên.

3. Thuật ngữ “cơ sở thường trú” cũng bao gồm:

a. địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hay các hoạt động giám sát liên quan đến các công trình, địa điểm trên, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình hay các hoạt động đó kéo dài trong giai đoạn trên sáu tháng;

b. việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một xí nghiệp của một Nước ký kết thực hiện thông qua nhân viên hay đối tượng khác được xí nghiệp giao thực hiện tại Nước ký kết kia, với điều kiện các hoạt động nêu trên kéo dài tại một nước (trong cùng một dự án hay một dự án liên quan) trong một giai đoạn hay nhiều giai đoạn gộp lại hơn 6 tháng trong bất kỳ khoảng thời gian 12 tháng liên tục.

4. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ “cơ sở thường trú” sẽ được coi là không bao gồm:

a. việc sử dụng các phương tiện riêng chỉ cho mục đích lưu kho, trưng bày hoặc giao hàng;

b. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho, trưng bày hay giao hàng;

c. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích để cho xí nghiệp khác gia công;

d. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm với mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp;

e. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác có tính chuẩn bị hoặc phụ trợ cho xí nghiệp.

f. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ để cho bất kỳ sự kết hợp nào của các hoạt động được nêu từ điểm (a) tới điểm (e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định từ sự kết hợp trên mang tính chất chuẩn bị hay phụ trợ.

g. việc bán hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp được trưng bày trên giá đặt tại hội chợ hay triển lãm tạm thời, không thường xuyên sau thời điểm kết thúc hội chợ hay triển lãm nói trên với điều kiện được sự chấp nhận của nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi tổ chức hội chợ hay triển lãm.

5. Mặc dù có những quy định tại Khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh tại khoản 7 – hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một xí nghiệp của Nước ký kết kia, xí nghiệp đó sẽ được coi là cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng trên thực hiện cho xí nghiệp, nếu đối tượng đó:

a. có và thường xuyên thực hiện Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định thì sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hay

b. không có thẩm quyền nêu trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hóa hay tài sản, qua đó đối tượng này thường xuyên giao hàng hóa hay tài sản thay mặt cho xí nghiệp.

6. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, một tổ chức bảo hiểm của một Nước ký kết, trừ trường hợp đối với tái bảo hiểm, sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu tổ chức đó thu phí bảo hiểm trên lãnh thổ của Nước kia hay bảo hiểm các rủi ro tại Nước kia thông qua một đối tượng không phải là một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7.

7. Một xí nghiệp sẽ không được coi là có cơ sở thường trú tại một Nước ký kết nếu xí nghiệp đó chỉ thực hiện kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này chỉ hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó được dành toàn bộ hay hầu như toàn bộ cho việc đại diện cho xí nghiệp, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nội dung của khoản này.

8. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc đang tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác) sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

ĐIỀU 6. THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ “bất động sản” sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có tài sản. Trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả tài sản đi liền với bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền áp dụng theo các quy định tại luật chung về điều sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán thay đổi hay cố định trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4. Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7. LỢI TỨC KINH DOANH

1. Lợi tức của một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho:

(a) cơ sở thường trú đó;

(b) việc bán tại Nước kia những hàng hóa hay tài sản cùng loại hay tương tự như hàng hóa hoặc tài sản được bán thông qua qua cơ sở thường trú; hay

(c) các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước ký kết kia cùng loại hay tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó.

2. Thử theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú có tại Nước kia thì tại mỗi nước Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu đó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hay tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho hoạt động kinh doanh do cơ sở thường trú đó thực hiện bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung được phép khấu trừ mặc dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Quy định này sẽ áp dụng theo những giới hạn trong nội luật.

4. Không có nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng đến việc áp dụng luật của một Nước ký kết liên quan đến việc xác định nghĩa vụ nộp thuế của một đối tượng trong trường hợp thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó không đủ để xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho một cơ sở thường trú, với điều kiện trong phạm vi thông tin nhà chức trách có thẩm quyền đã có cho phép, luật trên sẽ được áp dụng phù hợp với những nguyên tắc của Điều này.

5. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi tức của xí nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên: tuy nhiên, phương pháp phân chia được chấp nhận sẽ có kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.

6. Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

7. Trường hợp lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8. VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1. Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2. Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

ĐIỀU 9. NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT

1. Khi:

a. một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b. các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Trường hợp một Nước ký kết tính vào lợi tức của một xí nghiệp của Nước đó – và đánh thuế tương ứng – các khoản lợi tức mà xí nghiệp của Nước ký kết kia đã phải chịu thuế tại Nước kia

và khoản lợi tức được tính như trên là khoản lợi tức lẽ ra được phân bổ cho xí nghiệp của Nước thứ nhất nếu các điều kiện lập ra giữa hai xí nghiệp này là những điều kiện giữa hai xí nghiệp này là những điều kiện giữa hai xí nghiệp độc lập, lúc đó Nước kia có sự điều chỉnh thích ứng số thuế tính trên các khoản lợi tức này. Trong khi xác định mức điều chỉnh sẽ xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này và nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trao đổi ý kiến nếu cần thiết.

ĐIỀU 10. TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.
2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước này, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần.

Khoản tiền này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với khoản lợi tức dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ “tiền lãi cổ phần” được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, cổ phần “jouissance”, hay các quyền lợi “jouissance”, cổ phần khai thác mỏ, cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

4. Những quy định tại khoản 1, 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết có tiền hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiền hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền nắm giữ cổ phần nhờ đó được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi tức hay thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước ký kết kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định tại Nước kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

ĐIỀU 11. LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm của tổng số lãi từ tiền cho vay.

3. Mặc dù có những quy định tại khoản 2 Điều này, lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước đó nếu lãi từ tiền cho vay đó do Chính phủ Nước ký kết kia, cơ quan chính quyền địa phương hay đơn vị lãnh thổ - hành chính của Nước kia hay bất kỳ cơ quan hay tổ chức ngân hàng hay tổ chức của Chính phủ đó, của cơ quan chính quyền địa phương hay đơn vị lãnh thổ - hành chính đó nhận được và thực hưởng hoặc nếu khoản nợ của đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được một tổ chức tài chính toàn bộ thuộc sở hữu của Chính phủ Nước ký kết kia bảo lãnh, bảo hiểm hay trực tiếp hoặc gián tiếp tài trợ, với điều kiện số tiền cho vay hay khoản nợ có số tiền lãi phát sinh không có tính chất thương mại.

4. Thuật ngữ “lãi từ tiền cho vay” dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó. Tiền phạt thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo nội dung của Điều này.

5. Những quy định tại khoản 1, 2 và 3 sẽ không được áp dụng nếu người thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú tại một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với a) cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó, hoặc với b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền địa phương, đơn vị lãnh thổ - hành chính hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thương trú hay cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng đó có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

7. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay, liên quan đến khoản cho vay có số tiền lãi được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này,

phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12. TIỀN BẢN QUYỀN

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
2. Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền bản quyền thì mức thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 15 phần trăm tổng số tiền bản quyền.
3. Thuật ngữ “tiền bản quyền” được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc các loại phim hay các loại băng dùng trong phát thanh và truyền hình, trong việc phát sóng qua vệ tinh hay qua đường cáp cho công chúng, hay thông qua bất kỳ hình thức vật mang thông tin điện tử, bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.
4. Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh ở Nước kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên quan thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này có quy định của Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.
5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền chính là Nhà nước đó, cơ quan chính quyền địa phương, đơn vị lãnh thổ - hành chính hoặc là đối tượng cư trú của Nước ký kết đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tại một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú và cơ sở cố định đó đóng.
6. Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền, liên quan tới việc sử dụng, quyền hoặc thông tin có số tiền bản quyền được trả, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13. LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi có tài sản đó.
2. Lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
3. Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết sử dụng hoạt động trong vận tải quốc tế hay từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết đó.
4. Lợi tức từ việc chuyển nhượng các cổ phần trong một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.
5. Lợi tức từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với những tài sản đã được nêu tại khoản 1, 2, 3 và 4 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 14. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ các trường hợp sau đây thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:
 - a. nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định nhằm mục đích thực hiện các hoạt động này; trong những trường hợp đó chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hay
 - b. nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một giai đoạn gộp lại từ 183 ngày trở lên trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập thu được từ các hoạt động của đối tượng này được thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.
2. Thuật ngữ “dịch vụ ngành nghề” bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 15. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1. Thẻ theo các quy định tại Điều 16, 18, 19, 20 và 21 các khoản tiền lương và các khoản công tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết

kia. Nếu công việc làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

a. người nhận tiền công có mặt tại Nước ký kết kia trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại không quá 183 ngày trong khoảng thời gian 12 tháng bắt đầu hay kết thúc trong năm tài chính liên quan, và

b. chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú của Nước kia, và

c. số tiền công không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà đối tượng chủ lao động có tại Nước kia.

3. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ lao động làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

ĐIỀU 16. THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

ĐIỀU 17. NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù có những quy định tại Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách như người biểu diễn như diễn viên sân khấu, điện ảnh, phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại điều 7, 14 và 15.

3. Mặc dù đã có các quy định tại khoản 1 và 2, thu nhập do các nghệ sĩ hay vận động viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động trình diễn tại Nước ký kết kia theo một chương trình trao đổi văn hóa hay thể thao giữa hai Chính phủ của hai Nước ký kết sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

ĐIỀU 18. TIỀN LƯƠNG HƯU

1. Thê theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền công tương tự khác đợc trả cho công việc trước đây của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

ĐIỀU 19. PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1.a. Tiền công lao động, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền địa phương hay một đơn vị lãnh thổ - hành chính của Nước đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nhà nước hay chính quyền địa phương hay đơn vị lãnh thổ - hành chính đó sẽ bị đánh thuế tại Nước đó.

b. Tuy nhiên, khoản tiền công lao động này sẽ chỉ bị đánh thuế ở Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này đợc thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc (ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2.a. Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết, hay một cơ quan chính quyền địa phương hay một đơn vị lãnh thổ - hành chính của Nước đó hoặc do các quỹ của Nước ký kết hay cơ quan, đơn vị này lập ra trả cho một cá nhân đối với công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc cơ quan hay đơn vị đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

b. Tuy nhiên, tiền lương hưu đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu cá nhân đó vừa là đối tượng cư trú đồng thời là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia.

3. Các quy định của Điều 15, 16, và 18 sẽ áp dụng đối với các khoản tiền công và tiền lương hưu đối các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh đợc tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền địa phương hay một đơn vị lãnh thổ - hành chính của Nước đó.

ĐIỀU 20. SINH VIÊN VÀ THỰC TẬP SINH VÀ HỌC SINH HỌC NGHỀ

Sinh viên hay học sinh học nghề, người hiện là hay ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và sinh viên hay học sinh đó hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích giáo dục hoặc đào tạo, sẽ đợc miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất trong thời gian sáu năm học tập hoặc đào tạo đối với các khoản tiền sau đây mà sinh viên hay học sinh nhận đợc để phục vụ cho sinh hoạt, giáo dục hay đào tạo của mình:

a. các khoản tiền nhận đợc từ các nguồn nằm ngoài Nước ký kết đó để phục vụ cho sinh hoạt, giáo dục hay đào tạo của sinh viên hay học sinh đó;

b. tiền trợ cấp, học bổng hay các khoản tiền khác do Chính phủ hay các tổ chức khoa học, giáo dục, văn hóa hay các tổ chức phi lợi nhuận khác cung cấp.

ĐIỀU 21. GIÁO VIÊN, GIÁO SƯ VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

1. Một cá nhân người hiện là hay ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và cá nhân đó hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất với mục đích giảng dạy, thuyết trình hay tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, cao đẳng, trường hay cơ sở giáo dục hay cơ sở nghiên cứu khoa học được Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất chấp nhận, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với khoản tiền công từ việc giảng dạy, thuyết trình hay nghiên cứu đó trong thời hạn hai năm kể từ ngày đầu tiên cá nhân đó đến Nước thứ nhất.

2. Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động nghiên cứu nếu việc nghiên cứu đó do cá nhân thực hiện phục vụ lợi ích công cộng và ngay từ đầu không phải phục vụ cho lợi ích riêng của một đối tượng hay nhiều đối tượng tư nhân nào khác.

ĐIỀU 22. THU NHẬP KHÁC

Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 23. TÀI SẢN

1. Tài sản là bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi có tài sản đó.

2. Tài sản là động sản hình thành nên một phần tài sản kinh doanh của một xí nghiệp hay tài sản là động sản gắn liền với cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

3. Tài sản là tàu thủy và máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết sử dụng thực hiện trong vận tải quốc tế, và tài sản là động sản đi liền với hoạt động của tàu thủy và máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

4. Tất cả các phần tài sản khác của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

ĐIỀU 24. XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1. Trong trường hợp đối với Việt Nam, việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt Nam nhận được thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản hay sở hữu tài sản mà theo Luật của Rumani và phù hợp với Hiệp định này có thể bị đánh thuế tại Rumani, Việt Nam sẽ cho phép khấu trừ vào thuế đánh trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản hay thuế đánh trên tài sản một khoản tiền bằng số thuế đã nộp tại Rumani. Tuy nhiên số thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số tiền thuế Việt Nam tính trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản hay số tiền thuế tính trên tài sản phù hợp với các luật và quy định thuế của Việt Nam.

2. Trong trường hợp đối với Rumani, việc đánh thuế hai lần được xóa bỏ như sau:

Trường hợp một đối tượng cư trú của Rumani nhận được thu nhập hay các khoản thu nhập nêu tại Điều 10, 11, và 12, hay lợi tức, lợi tức chuyển nhượng tài sản hay sở hữu tài sản mà theo luật của Việt Nam và phù hợp với Hiệp định này có thể đánh thuế tại Việt Nam, Rumani sẽ cho phép khấu trừ vào thuế Rumani đánh trên thu nhập, các khoản thu nhập lợi tức, lợi tức chuyển nhượng tài sản hay thuế Rumani đánh trên tài sản một khoản tiền bằng số thuế đã nộp tại Việt Nam. Tuy nhiên, số tiền thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số tiền thuế Rumani tính trên thu nhập, các khoản thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản hay tính trên tài sản phù hợp với các luật và quy định thuế của Rumani.

3. Trường hợp theo các nội luật của một Nước ký kết, số tiền thuế được miễn hay giảm của một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được coi là đã nộp tại Nước ký kết thứ nhất, thì số tiền thuế được miễn hay giảm đó sẽ được phép khấu trừ vào thuế tại Nước ký kết kia.

ĐIỀU 25. KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1. Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau.

2. Thuế áp dụng đối với cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được hiểu là buộc một Nước ký kết phải dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào về thân phận dân sự và trách nhiệm gia đình mà Nước ký kết thứ nhất dành cho những đối tượng cư trú của mình.

3. Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn thuộc sở hữu hoặc chịu sự kiểm soát, trực tiếp hay gián tiếp, bởi một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, sẽ không phải chịu ở Nước ký kết kia, sẽ không phải chịu ở Nước ký kết thứ nhất bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các xí nghiệp tương tự của Nước thứ nhất.

4. Những quy định của khoản 2 và 3 Điều này, sẽ không áp dụng đối với thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt Nam khác với thuế nêu tại khoản 2 Điều 10, và thuế Việt Nam đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

5. Không có quy định nào tại Điều này sẽ được hiểu là buộc một trong hai Nước ký kết phải dành cho các cá nhân không phải là đối tượng cư trú của nước đó được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào mà nước đó dành cho những cá nhân là đối tượng cư trú.

6. Những quy định tại Điều này sẽ chỉ được áp dụng cho các loại thuế là đối tượng điều chỉnh của Hiệp định này.

ĐIỀU 26. THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1. Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền của một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng là đối tượng cư trú hay với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó là đối tượng mang quốc tịch nếu trường hợp thuộc khoản 1 Điều 25, mặc dù trong các luật trong nước của hai nước đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần đầu thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Bất kỳ thỏa thuận nào đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào bất kỳ giới hạn thời gian nào trong luật trong nước của hai Nước ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hay áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp thông báo cho nhau với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của những khoản trên đây. Khi thấy cần thiết phải đối thoại, quan điểm để đạt được thỏa thuận, việc đối thoại có thể được tổ chức thông qua một ủy ban bao gồm các đại diện của các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết.

ĐIỀU 27. TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay của các luật trong nước của hai Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này, đặc biệt là những thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước đó và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hay truy tố, hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án. Các nhà chức trách có thẩm quyền thông qua việc trao đổi sẽ xây dựng những điều kiện, biện pháp và kỹ thuật thích hợp liên quan đến các vấn đề mà việc trao đổi thông tin được thực hiện, kể cả, khi cần thiết, trao đổi thông tin liên quan đến việc trốn thuế.

2. Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc Nước ký kết có nghĩa vụ:

a. thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

b. cung cấp những thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hay theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

c. cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước.

ĐIỀU 28. CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN NGOẠI GIAO VÀ CƠ QUAN LÃNH SỰ

Không nội dung nào trong Hiệp định này ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế của thành viên đoàn ngoại giao hoặc cơ quan lãnh sự theo những nguyên tắc chung của pháp luật quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

ĐIỀU 29. HIỆU LỰC

Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 30 sau ngày nhận được thông báo sau cùng qua các đường ngoại giao về việc hoàn thành các thủ tục pháp lý nội bộ cần thiết tại từng Nước ký kết để Hiệp định này có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực thi hành đối với thu nhập phát sinh và tài sản sở hữu trong những năm tính thuế từ ngày và sau này 1 tháng 1 năm dương lịch tiếp sau năm Hiệp định có hiệu lực.

ĐIỀU 30. KẾT THÚC

Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn nhưng từng Nước ký kết vào ngày hoặc trước ngày 30 tháng 6 bất kỳ năm dương lịch nào kể từ sau hạn 5 năm sau ngày Hiệp định có hiệu lực có thể gửi cho Nước ký kết kia qua đường ngoại giao văn bản kết thúc Hiệp định. Trong trường hợp đó Hiệp định này sẽ hết hiệu lực thi hành đối với thu nhập phát sinh và tài sản sở hữu trong những năm tính thuế bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm dương lịch sau năm gửi thông báo kết thúc.

ĐỀ LÀM BẰNG những người được ủy quyền dưới đây của từng Chính phủ đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định làm thành hai bản tại Hà Nội ngày 08 tháng 07 năm một nghìn chín trăm chín mươi nhăm bằng tiếng Việt, tiếng Rumani và tiếng Anh, tất cả các bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự khác nhau trong việc giải thích, văn bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT NAM**

(Đã ký)

Hiệp định này có hiệu lực kể từ ngày 24/4/1996.

**THAY MẶT
NƯỚC RU-MA-NI**

(Đã ký)